TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 7 năm 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Tư;
Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Văn Hưng, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Chu Ngọc Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Khánh L, sinh năm 1990.
HKTT: Số A, đường L, tổ G, TP.B.

Hiện ở tại địa chỉ: Số 13, tổ Đ, phường X, TP. B, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh Thân Văn X, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Số A, đường L, tổ G, TP.B (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, những lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Khánh L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thân Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ngày 21/5/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp với nhau về quan điểm sống, cũng như trong công việc làm ăn phục vụ kinh tế gia đình. Ngoài ra là do anh X thường xuyên rượu chè, say xỉn đánh đuổi và xúc phạm vợ con. Chính vì vậy mà mâu thuẫn vợ chồng ngày một nhiều và trầm trọng hơn. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, người thân khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Hậu quả là giữa chị và anh X đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm gì với nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thân Văn X.

Về con chung: Chị và anh X có hai con chung là cháu Thân Trung V, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Thân Hà M, sinh ngày 03/01/2018. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị L. Khi vợ chồng ly hôn chị L đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn là anh Thân Văn X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Khánh L được tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ngày 21/5/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Anh và chị L đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh X đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là cháu Thân Trung V, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Thân Hà M, sinh ngày 03/01/2018. Hiện nay cả hai con đang ở cùng chị L, khi ly hôn anh đồng ý để chị L nuôi dưỡng cả hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh X không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của đương sự được biết: Chị L và anh X là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và sinh sống tại địa phương, thời gian gần đây hai người thường xuyên mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2019 đến nay.

Tòa án đã thông báo và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với đương sự trong vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn xinvắng mặt nên nguyên đơn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Mặc dù vắng mặt nhưng có đơn giải quyết vắng mặt.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Nguyễn Khánh L được ly hôn với anh Thân Văn X.

- Giao cho chị Nguyễn Khánh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu Thân Trung V, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Thân Hà M, sinh ngày 03/01/2018.

- Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Khánh L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên toà.

[2] Xét quan hệ hôn nhân thì thấy: Giữa chị Nguyễn Khánh L và anh Thân Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B. Do vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Khánh L và anh Thân Văn X là hợp pháp, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Cả chị L và anh X đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận do tính cách không hợp nhau nên trong cuộc sống thường xuyên phát sinh

nhiều xung đột, tranh cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và trầm trọng hơn. Vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi từ năm 2019 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều xác định mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được nên bị đơn đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Ngoài ra, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của đương sự được biết, giữa chị L và anh X đã mâu thuẫn từ lâu và hai người không còn chung sống cùng nhau từ năm 2019. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh X đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Khánh L và anh Thân Văn X đều công nhận có hai con chung là cháu Thân Trung V, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Thân Hà M, sinh ngày 03/01/2018, ngoài ra không còn con chung nào khác. Khi vợ chồng ly hôn, anh X đồng ý cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị L cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và từ khi ly thân đến nay, cả hai con chung vẫn đang sinh sống ổn định cùng chị L, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Xét thấy, Hiện tại chị L có đủ điều kiện để nuôi con chung và để đảm bảo quyền lợi cho con chung của chị L và anh X được nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất, cần chấp nhận nguyện vọng của hai bên đương sự và giao cả hai con chung là cháu Vỹ và cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Khánh L được ly hôn anh Thân Văn X.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Thân Trung V, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Thân Hà M, sinh ngày 03/01/2018 cho chị Nguyễn Khánh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Thân Văn X có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Khánh L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001283 ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị Nguyễn Khánh L đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS ND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- CCTHA dân sự TP. B;
- UBND phường X, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Dương Văn Hải

Nơi nhận:
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Dương Văn Hải